

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2009/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

ỦY BAN NHÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 107/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 117/2008/TT-BTC ngày 05/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 56/2008/QĐ-BTC ngày 17/7/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Theo Văn bản thẩm định số 1265/TP-VBPQ ngày 18/9/2009 của Sở Tư pháp và đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1777/TTr-STC ngày 27 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2572/2002/QĐ-UB ngày 28/8/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy trình quyết toán vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Xuân Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH
THẨM TRA QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Tất cả các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước, bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài, vốn đầu tư phát triển của các tổng công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, sau khi hoàn thành bàn giao vào sử dụng đều phải quyết toán theo quy định của Quyết định này.

Các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định đầu tư và dự án do cấp có thẩm quyền giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn làm chủ đầu tư thực hiện quyết toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 73/2007/ TT-BTC ngày 02/7/2007 của Bộ Tài chính; không áp dụng Quyết định này.

2. Các đơn vị chủ đầu tư, ban quản lý công trình có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư khi dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành theo đúng thời gian quy định, trình cấp có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt.

3. Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý (bao gồm: vốn xây dựng cơ bản tập trung, vốn chương trình mục tiêu, vốn viện trợ; vốn vay nước ngoài, vốn Trái phiếu Chính phủ...): Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo phân cấp.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán và trình UBND huyện, thành phố, thị xã phê duyệt.

II. YÊU CẦU THẨM TRA QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

1. Công tác thẩm tra quyết toán phải tuân thủ các cơ chế chính sách của Nhà nước phù hợp với từng thời kỳ thực hiện dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra được đề nghị các cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành xem xét, giải quyết những kiến nghị, vướng mắc liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán.

2. Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư xây dựng để đưa dự án vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp pháp là chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã được phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung, đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật. Đồng thời vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác tổng chi phí đầu tư đã thực hiện; phân định rõ nguồn vốn đầu tư; chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư dự án; giá trị tài sản hình thành qua đầu tư; tài sản cố định, tài sản lưu động; Đồng thời phải đảm bảo đúng nội dung, thời gian lập, thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

4. Đối với các Dự án nhóm A gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án trong đó nếu từng dự án thành phần, hoặc tiểu dự án có thể độc lập vận hành khai thác và thực hiện theo phân kỳ đầu tư, được ghi trong văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư, thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án đó được thực hiện quyết toán như một dự án đầu tư độc lập.

5. Đối với dự án có nhiều hạng mục công trình mà mỗi hạng mục công trình, tùy theo quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cho từng công trình hoặc hạng mục công trình, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng. Giá trị đề nghị quyết toán của dự án, công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị, chi phí tư vấn và các khoản chi phí khác có liên quan trực tiếp đến dự án, hạng mục, công trình đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành Chủ đầu tư phải lập tổng quyết toán toàn bộ dự án và phân bổ chi phí chung của dự án cho từng hạng mục công trình theo quy định.

6. Đối với dự án nhóm A, B trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án phải có báo cáo kết quả kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.

7. Thời gian thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUY TRÌNH THẨM TRA QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

1. Cơ quan thẩm tra quyết toán, cán bộ trực tiếp thẩm tra quyết toán phải tuân thủ trình tự, nội dung các bước thẩm tra theo quy định của Quy trình này; chịu trách nhiệm về nội dung của Báo cáo kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp và Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập (nếu có).

2. Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về nội dung của Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. TRÌNH TỰ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH TẠI BỘ PHẬN 1 CỦA

Khi tiếp nhận hồ sơ báo cáo quyết toán dự án, hạng mục công trình hoàn thành do chủ đầu tư trình duyệt, cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán với các nội dung sau:

1. Kiểm tra danh mục hồ sơ, tài liệu do chủ đầu tư trình duyệt đối chiếu với quy định về hồ sơ trình duyệt quyết toán tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

2. Kiểm tra nội dung các biểu mẫu quyết toán do chủ đầu tư lập, đối chiếu với biểu mẫu quy định trong Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước của Bộ Tài chính.

Qua đó xác định rõ hồ sơ, tài liệu còn thiếu; những tài liệu cần bổ sung.

3. Xử lý hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ lập phiếu giao nhận hồ sơ theo mẫu số 01/GNHSQT kèm theo quy trình này chuyển cho bộ phận chuyên môn tiếp nhận thẩm tra quyết toán;

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ báo cáo người có thẩm quyền để yêu cầu hoàn thiện bổ sung hoặc trả lại hồ sơ cho chủ đầu tư;

- Trường hợp chủ đầu tư không trực tiếp giao hồ sơ quyết toán, chủ đầu tư lập phiếu giao nhận hồ sơ theo mẫu 01/GNHSQT gửi kèm theo hồ sơ quyết toán; cán bộ tiếp nhận hồ sơ tiến hành kiểm tra nếu hồ sơ đảm bảo yêu cầu tiến hành lập phiếu giao nhận hồ sơ chuyển cho bộ phận chuyên môn thẩm tra quyết toán, nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu cán bộ tiếp nhận hồ sơ báo cáo người có thẩm quyền để yêu cầu hoàn thiện bổ sung hoặc trả lại hồ sơ cho chủ đầu tư;

- Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc chậm thời gian nộp báo cáo quyết toán nếu sau 30 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được thông báo yêu cầu bổ sung hoặc thông báo trả lại hồ sơ của cơ quan thẩm tra quyết toán mà chủ đầu tư không nộp đủ hồ sơ (đã hoàn thiện) hoặc không có văn bản giải trình.

II. NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ THẨM TRA QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH:

Khi triển khai thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án, công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành cơ quan có thẩm quyền cần thẩm tra các nội dung chi tiết trên các mặt sau:

1. Thẩm tra báo cáo quyết toán đã được kiểm toán:

Trên cơ sở Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của chủ đầu tư và Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập, cán bộ thẩm tra quyết toán tiến hành các bước thẩm tra:

1.1. Thẩm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.

1.2. Thẩm tra việc tuân thủ trình tự kiểm toán của Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành với quy định tại Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

1.3. Đối chiếu các nội dung của Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành với các nội dung quy định tại Điểm 2, mục VI, phần II của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn

nhà nước, Điểm 3 của Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư 33/2007/TT-BTC. Trường hợp không đảm bảo yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm tra quyết toán thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.

1.4. Thẩm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án trong danh mục các văn bản sử dụng của báo cáo kiểm toán so với quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

1.5. Thẩm tra xem xét những nội dung còn khác nhau giữa báo cáo quyết toán của chủ đầu tư và báo cáo của tổ chức kiểm toán.

1.6. Cơ quan chủ trì thẩm tra xem xét các kiến nghị giải quyết của chủ đầu tư, những nội dung chưa thống nhất giữa chủ đầu tư và nhà thầu kiểm toán;

1.7. Những vướng mắc về cơ chế chính sách, cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng quản lý nhà nước có liên quan có ý kiến cụ thể để giải quyết.

1.8. Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các cơ quan liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước (nếu có).

2. Đối với dự án không thực hiện kiểm toán quyết toán

2.1. Thẩm tra về mặt pháp lý: Thẩm tra tính hợp pháp của việc đầu tư xây dựng công trình thể hiện qua các văn bản, hồ sơ có liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình, dự án.

2.1.1. Thẩm tra đối chiếu danh mục và nội dung các văn bản pháp lý

- Thẩm tra đối chiếu các văn bản pháp lý có trong hồ sơ so với quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thẩm tra việc chấp hành những quy định của Nhà nước đối với từng loại văn bản về các mặt:

+ Trình tự lập và duyệt văn bản;

+ Nội dung văn bản (kể cả hệ thống biểu mẫu kèm theo);

+ Thẩm quyền của cấp phê duyệt văn bản.

- Thẩm tra việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

- Thẩm tra việc chấp hành trình tự lựa chọn thầu của các gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.1.2. Thẩm tra tính pháp lý của các hợp đồng kinh tế

- Thẩm tra việc thương thảo và ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư với các bên nhận thầu: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây dựng, lắp đặt mua sắm thiết bị...

2.2. Thẩm tra chi phí đầu tư: Thẩm tra việc xác định giá trị quyết toán của dự án, công trình xây dựng thể hiện ở xác định giá trị quyết toán phần xây dựng, phần thiết bị và lắp đặt, phần chi phí khác. Ngoài ra còn kiểm tra việc xác định các chi phí không tính vào giá trị công trình.

Căn cứ tổng mức đầu tư được phê duyệt và biểu báo cáo số 04/QTDA – Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán theo công trình, hạng mục công trình hoàn thành, cán bộ thẩm tra thực hiện thẩm tra theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư;
- Chi phí xây dựng;
- Chi phí thiết bị và lắp đặt;
- Chi phí quản lý dự án;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;
- Chi phí khác.

2.2.1. Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Đối chiếu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhân tiền bồi thường có chữ ký xác nhận theo quy định;

- Thẩm tra chi phí tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư do Hội đồng đền bù thực hiện để xác định giá trị quyết toán.

2.2.2. Thẩm tra chi phí xây dựng

- Thẩm tra việc tuân thủ các quy định về hợp đồng xây dựng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền phê duyệt; hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng làm cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng;

- Thẩm tra chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công căn cứ vào từng trường hợp cụ thể cán bộ thẩm tra thực hiện như sau:

+ Đối với trường hợp chi phí công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí lán trại, nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được lập thiết kế, dự toán riêng như một hạng mục xây dựng: tiến hành thẩm tra như thẩm tra gói thầu độc lập.

+ Đối với trường hợp chi phí công trình phụ trợ, chi phí lán trại, nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trong gói thầu xây dựng chính: Thẩm tra việc áp dụng tỷ lệ (%) trên cơ sở kết quả thẩm tra gói thầu xây dựng chính.

a) Đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện

- Đối chiếu các nội dung, khối lượng trong bảng tính khối lượng quyết toán của chủ đầu tư với biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng quyết toán;

- Thẩm tra sự phù hợp giữa đơn giá trong bản tính giá đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với đơn giá trong dự toán được duyệt;

- Trường hợp có hạng mục hoặc nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của hạng mục hoặc nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị khối lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị khối lượng phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Khối lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

b) Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói

- Thẩm tra các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng công việc hoàn thành, đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán (A - B) so với các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng và đơn giá ghi trong hợp đồng, trên cơ sở nghiệm thu khối lượng phù hợp với hồ sơ trúng thầu. Không triết tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu;

- Trường hợp có hạng mục hoặc nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của hạng mục hoặc nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị khối lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị khối lượng phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Khối lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

c) Thẩm tra đối với gói thầu thực hiện theo hình thức “giá hợp đồng theo đơn giá cố định”.

- Thẩm tra các nội dung công việc, khối lượng công việc thực hiện trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán (A - B) với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Kiểm tra đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá ghi trong bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng;

- Trường hợp có hạng mục hoặc nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của hạng mục hoặc nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị khối lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị khối lượng phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Khối lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

d) Thẩm tra đối với gói thầu thực hiện theo hình thức “giá hợp đồng theo giá điều chỉnh”.

- Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

- Trường hợp điều chỉnh về khối lượng, căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành để xác định khối lượng;

- Trường hợp điều chỉnh đơn giá phải căn cứ vào nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán;

Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước, căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng, các cơ chế chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng để xác định. Không thực hiện điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra;

- Trường hợp có hạng mục hoặc nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của hạng mục hoặc nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị khối lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị khối lượng phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Khối lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có khối lượng phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

đ) Thẩm tra đối với gói thầu thực hiện theo hình thức “giá hợp đồng kết hợp”:

Căn cứ hồ sơ quyết toán cán bộ thẩm tra phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể:

- Trọn gói: Thẩm tra theo quy định tại tiết b, mục 2.2.2;

- Đơn giá cố định: Thẩm tra theo quy định tại tiết c, mục 2.2.2;

- Giá điều chỉnh: Thẩm tra theo quy định tại tiết d, mục 2.2.2.

2.2.3. Thẩm tra chi phí thiết bị:

Thẩm tra việc tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện:

- Thẩm tra tính hợp lý, phù hợp về danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá cả thiết bị được nghiệm thu đề nghị quyết toán so với biên bản nghiệm thu và dự toán chi phí thiết bị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thẩm tra giá trị của thiết bị về mặt giá gốc, chi phí vận chuyển thiết bị từ nơi mua về chân công trình, chi phí bảo quản, kiểm tra, gia công, lắp đặt, chi phí lưu kho lưu bãi, bảo dưỡng thiết bị trước khi lắp đặt. Chi phí bảo hiểm, phí ngoại thương (nếu có) đối với thiết bị nhập khẩu.

- Thẩm tra việc chấp hành các điều khoản ký kết trong hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và cơ quan cung ứng thiết bị.

- Trường hợp có nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện, danh mục thiết bị không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của số lượng nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Số lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị số lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị số lượng thiết bị phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Số lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho số lượng thiết bị phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có số lượng thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc số lượng thiết bị phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

b) Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói:

- Thẩm tra danh mục thiết bị, chủng loại, công suất, chất lượng... nguồn gốc xuất xứ, cấu hình, giá trị thiết bị trong bản tính giá đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu về danh mục, chủng loại, cấu hình, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá của thiết bị

được ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng. Không triết tính lại đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

- Trường hợp có nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện, danh mục thiết bị không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của số lượng nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Số lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị số lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị số lượng thiết bị phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Số lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho số lượng thiết bị phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có số lượng thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc số lượng thiết bị phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

c) Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức “giá hợp đồng theo đơn giá cố định”:

- Thẩm tra danh mục thiết bị, chủng loại, công suất, chất lượng... nguồn gốc xuất xứ, cấu hình, giá trị thiết bị trong bản tính giá đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu về danh mục, chủng loại, cấu hình, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá của thiết bị được ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng quyết toán;

- Kiểm tra đối chiếu đơn giá trong bản tính giá đề nghị quyết toán A-B với đơn giá ghi trong bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng;

- Trường hợp có nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện, danh mục thiết bị không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của số lượng nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Số lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị số lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị số lượng thiết bị phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Số lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho số lượng thiết bị phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có số lượng thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc số lượng thiết bị phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

d) Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức “giá hợp đồng theo giá điều chỉnh”:

- Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

- Trường hợp điều chỉnh về khối lượng, căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành để xác định khối lượng;

- Trường hợp điều chỉnh đơn giá phải căn cứ vào nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán;

Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước, căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng, các cơ chế chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng để xác định;

- Trường hợp có nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện, danh mục thiết bị không thực hiện hoặc thực hiện thấp hơn hợp đồng thì giảm trừ giá trị tương ứng của số lượng nội dung công việc đó trong hợp đồng;

- Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng nếu:

+ Số lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% thì giá trị quyết toán bằng tổng giá trị số lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và giá trị số lượng thiết bị phát sinh tính theo giá tương ứng trong hợp đồng;

+ Số lượng phát sinh lớn hơn 20% thì chủ đầu tư phải phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho số lượng thiết bị phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có số lượng thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc số lượng thiết bị phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh.

đ) Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức “giá hợp đồng theo giá kết hợp”:

Căn cứ hồ sơ quyết toán cán bộ thẩm tra phải xác định rõ phạm vi hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể:

- Trọn gói: Thẩm tra theo quy định tại tiết b, mục 2.2.3;
- Đơn giá cố định: Thẩm tra theo quy định tại tiết c, mục 2.2.3;
- Giá điều chỉnh: Thẩm tra theo quy định tại tiết d, mục 2.2.3.

2.2.4. Thẩm tra các chi phí tư vấn và chi phí khác:

** Thẩm tra pháp lý đối với các khoản chi phí khác:*

- Đối với các chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (%) kiểm tra việc chấp hành các quy định trong quá trình tính toán, áp tỷ lệ định mức để xác định giá trị quyết toán của từng loại công việc.

- Đối với các chi phí tính theo dự toán cụ thể cần đối chiếu giữa giá trị quyết toán và giá trị dự toán được duyệt, nhận xét, đánh giá về mức độ hợp lý của từng chi phí.

- Xác định quyết toán phần chi phí khác sau thẩm tra, nêu lý do chênh lệch so với giá trị quyết toán đề nghị.

** Nội dung các khoản tư vấn và chi phí khác thực hiện theo giai đoạn đầu tư và xây dựng dự án:*

a) Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Chi phí lập dự án đầu tư, chi phí báo cáo kinh tế kỹ thuật, chi phí báo cáo đầu tư;
- Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Chi phí và lệ phí thẩm định dự án kinh tế kỹ thuật, dự án khả thi, báo cáo đầu tư;
- Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ, chi phí tuyên truyền quảng cáo dự án và các chi phí khác.

b) Giai đoạn thực hiện dự án:

- Chi phí khởi công công trình (nếu có);
- Chi phí đền bù và tổ chức thực hiện đền bù đất đai, hoa màu, di chuyển dân cư và các công trình trên mặt bằng xây dựng; chi phí cho công tác tái định cư và phục hồi (đối với dự án có yêu cầu tái định cư và phục hồi);
- Tiền thuê đất hoặc tiền chuyển quyền sử dụng đất;
- Chi phí rà phá bom mìn;

- Chi phí khảo sát, thiết kế công trình, mô hình thí nghiệm (nếu có);
- Các chi phí và lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật -thi công, tổng dự toán công trình, thẩm định kết quả đấu thầu, lệ phí địa chính, lệ phí xây dựng, chi phí đánh giá, giám sát đầu tư;
- Chi phí bảo vệ an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng công trình (nếu có);
- Chi phí bảo hiểm công trình;
- Các chi phí lập hồ sơ mời thầu, chi phí phân tích đánh giá kết quả đấu thầu xây lắp, mua sắm thiết bị, chi phí giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;
- Chi phí ban quản lý dự án.

c) Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào sử dụng:

- Chi phí tháo dỡ công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm (phải giảm trừ giá trị thu hồi để giảm chi phí);
- Chi phí thu dọn vệ sinh công trình, tổ chức nghiệm thu, khánh thành và bàn giao công trình;
- Chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý (Nếu có);
- Chi phí nguyên liệu, năng lực và nhân lực cho quá trình chạy thử không tải và có tải (chú ý trừ giá trị sản phẩm thu hồi để giảm chi phí);
- Chi phí Ban quản lý dự án;
- Chi phí tính quy đổi vốn đầu tư;
- Chi phí thuê kiểm toán, chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

2.2.5. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản

- Thẩm tra tính pháp lý của các chi phí đầu tư đề nghị không tính vào giá trị tài sản: nội dung chi phí, nguyên nhân và căn cứ đề nghị không tính chi phí vào giá trị tài sản, thẩm quyền của cấp cho phép được quyết toán chi phí đầu tư thực hiện nhưng không tính vào giá trị tài sản;

- Thẩm tra các khoản chi phí chủ đầu tư đề nghị không tính vào giá trị tài sản công trình theo chế độ hiện hành của Nhà nước;

- Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản;

- Xác định chi phí thiệt hại được cấp có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ, cho phép không tính vào tài sản. Cần kiểm tra đối chiếu giữa biên bản xác định khối lượng huỷ bỏ thực tế với quyết định cho phép huỷ bỏ của cấp có thẩm quyền.

2.2.6. Thẩm tra xác định giá trị tài sản bàn giao cho đơn vị sử dụng

- Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư của dự án, xác định giá trị tài sản công trình hình thành sau đầu tư.

- Tính phân bổ các chi phí khác cho các hạng mục công trình.

- Xác định chi phí đầu tư hình thành tài sản bao gồm: chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định và tài sản lưu động.

- Xác định giá trị, danh mục tài sản bàn giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng.

2.2.7. Thẩm tra xác định giá trị vật tư thiết bị tồn đọng sau khi quyết toán

- Thẩm tra tổng số vốn đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn thanh toán các nhà thầu theo các hạng mục, khoản mục chi phí đề nghị quyết toán.

- Căn cứ số liệu các khoản mục chi phí đã được xác định sau khi thẩm tra quyết toán, số vốn đã thanh toán và tình hình công nợ báo cáo của chủ đầu tư, xác định các khoản nợ phải thu phải trả giữa chủ đầu tư và các đơn vị cá nhân có liên quan.

- Thẩm tra giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế.

- Các loại vật tư mua sắm phải theo dự toán được duyệt, việc quản lý sử dụng phải theo quy định riêng của từng loại.

- Các loại vật tư thiết bị được tính toán, đánh giá đúng số lượng, đúng giá trị thể hiện trên báo cáo quyết toán.

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của Chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng.

- Thẩm tra giá trị tài sản của ban quản lý dự án.

III. QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ TRÌNH THẨM TRA QUYẾT TOÁN

1. Biểu mẫu báo cáo quyết toán

1.1. Đối với dự án hoàn thành: chủ đầu tư lập các biểu theo mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08/QTDA kèm theo Quyết định này

1.2. Đối với dự án quy hoạch hoàn thành, chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án bị huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền chủ đầu tư lập các biểu theo mẫu số 02, 07, 08, 09/QTDA kèm theo Quyết định này.

2. Hồ sơ trình duyệt quyết toán

2.1. Đối với dự án quy hoạch; chi phí chuẩn bị đầu tư được huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc);
- Báo cáo quyết toán theo quy định tại điểm 1.2 mục III phần II của quy trình này (bản gốc, 05 bộ);

Riêng bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư có nhận xét, đánh giá, kiến nghị trong quá trình cấp, cho vay, thanh toán của cơ quan cấp phát thanh toán, cho vay (Mẫu số 08/QTDA). Trường hợp dự án do nhiều cơ quan thanh toán và cho vay thì phải đối chiếu xác nhận với từng cơ quan cấp phát, cho vay.

- Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tiến hành chuẩn bị đầu tư hoặc kế hoạch chuẩn bị đầu tư (bản sao);
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản sao);
- Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư được duyệt (bản gốc);
- Hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và các nhà thầu có tư cách pháp nhân, hợp đồng bổ sung (bản gốc);
- Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền giao (bản sao);
- Thanh lý hợp đồng giữa ban quản lý dự án và đơn vị tư vấn (bản gốc);

2.2. Hồ sơ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với chi phí xây dựng

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc);
- Báo cáo quyết toán theo quy định tại điểm 1.1 mục III phần II của quy trình này (bản gốc, 05 bộ);

Riêng bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư có nhận xét, đánh giá, kiến nghị trong quá trình cấp, cho vay, thanh toán của cơ quan cấp phát thanh toán, cho vay (Mẫu số 08/QTDA). Trường hợp dự án do nhiều cơ quan thanh toán và cho vay thì phải đối chiếu xác nhận với từng cơ quan cấp phát, cho vay.

- Quyết định phê duyệt dự án (hoặc báo cáo đầu tư, báo cáo KTKT) đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản sao);

- Tổng dự toán kèm theo Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán kê cả dự toán bổ sung, thay đổi (nếu có) (bản gốc);
- Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu (trường hợp đấu thầu) hoặc Quyết định chỉ định thầu (hồ sơ chỉ định thầu) (bản sao hoặc bản gốc);
- Hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu trúng thầu, phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả trúng thầu, các văn bản bổ sung trong quá trình đấu thầu và thực hiện gói thầu (bản gốc);
- Hồ sơ hoàn công (bản gốc);
- Các hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và các nhà thầu, các đơn vị cá nhân tham gia thực hiện dự án, hợp đồng kinh tế bổ sung (bản gốc);
- Các biên bản nghiệm thu bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, biên bản tổng nghiệm thu dự án hoặc công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao để đưa vào sử dụng (bản gốc);
- Các biên bản bàn giao tài sản giữa chủ đầu tư với đơn vị sử dụng (bản gốc);
- Dự toán chi tiết được duyệt cho từng hạng mục công trình (chi tiết phải khớp với quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Báo cáo kết quả thẩm định dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế dự toán (bản gốc);
- Toàn bộ các bản quyết toán khối lượng dự án hoàn thành giữa A-B (bản gốc);
- Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành (nếu có, bản gốc); kèm theo văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán giải trình các điểm thống nhất, chưa thống nhất với kết quả kiểm toán, kiến nghị;
- Kết luận thanh tra. Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước (nếu có, bản gốc); kèm theo báo cáo thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán nhà nước của chủ đầu tư;
- Kế hoạch đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2.3. Hồ sơ thẩm tra chi phí thiết bị và lắp đặt

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc);
- Báo cáo quyết toán theo quy định tại điểm 1.1 mục III phần II của quy trình này (bản gốc, 05 bộ);

Riêng bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư có nhận xét, đánh giá, kiến nghị trong quá trình cấp, cho vay, thanh toán của cơ quan cấp phát thanh toán, cho vay (Mẫu số 08/QTDA). Trường hợp dự án do nhiều cơ quan thanh toán và cho vay thì phải đối chiếu xác nhận với từng cơ quan cấp phát, cho vay.

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu trúng thầu, phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả trúng thầu, các văn bản bổ sung trong quá trình đấu thầu và thực hiện gói thầu (bản gốc);

- Biên bản nghiệm thu thiết bị và nghiệm thu lắp đặt thiết bị;

- Toàn bộ các bản quyết toán khối lượng dự án hoàn thành giữa A-B (bản gốc);

- Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành (nếu có, bản gốc); kèm theo văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán giải trình các điểm thống nhất, chưa thống nhất với kết quả kiểm toán, kiến nghị;

- Kết luận thanh tra. Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước (nếu có, bản gốc); kèm theo báo cáo thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán nhà nước của chủ đầu tư;

- Kế hoạch đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

- Danh mục thiết bị và chủng loại thiết bị phải phù hợp với quyết định đầu tư và dự toán được duyệt. Nếu thay đổi phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan quyết định đầu tư.

- Đối với thiết bị nhập khẩu thì hợp đồng nhập khẩu thiết bị phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

- Chứng nhận xuất xứ hàng hoá, giấy chứng nhận chất lượng thiết bị;

- Danh mục đóng gói thiết bị;

- Chứng nhận bảo hiểm;

- Hoá đơn thương mại...

2.4. Hồ sơ thẩm tra quyết toán các chi phí tư vấn và các chi phí khác

a) Đối với dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư sử dụng ngân sách nhà nước

- Quyết định phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng;
- Quyết định phê duyệt dự toán chi phí thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng;
- Dự toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân được nhận tiền bồi thường đã có chữ ký xác nhận của các tổ chức, cá nhân nhận tiền đền bù.

b) Đối với chi phí khảo sát xây dựng

- Phương án khảo sát được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Dự toán chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Hợp đồng kinh tế A-B;
- Báo cáo kết quả khảo sát;
- Biên bản nghiệm thu hồ sơ kết quả khảo sát;
- Bảng đề nghị thanh toán chi tiết khối lượng thực hiện theo dự toán được duyệt có chữ ký và đóng dấu của A-B.

c) Đối với chi phí thiết kế

- Chi phí thiết kế phải nằm trong dự toán được duyệt;
- Hợp đồng kinh tế A-B;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao;
- Bảng đề nghị quyết toán khối lượng thực hiện có xác nhận của A-B;

d) Đối với chi phí thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán, thẩm định dự án

- Hợp đồng kinh tế giữa A-B;
- Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng mức đầu tư, dự toán công trình;
- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;
- Chứng từ chuyển tiền, phiếu thu tiền hoặc hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính.

**Đối với chi phí ban quản lý dự án*

- Hồ sơ quyết toán chi phí quản lý dự án hoàn thành đối với BQLDA nhóm I và các Ban quản lý dự án thực hiện quản lý từ 05 dự án trở lên

+ Quyết định thành lập ban quản lý dự án (bản gốc);

+ Quyết định phê duyệt chi phí ban quản lý dự án (bản gốc);

+ Văn bản đề nghị quyết toán;

+ Báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án theo mẫu số 01/QT.QLDA;

+ Tổng hợp quyết toán chi phí quản lý dự án theo mẫu số 02/QT.QLDA;

+ Báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án theo mẫu số 03/QT.QLDA;

+ Tập sao các quyết định phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án các năm của dự án;

- Đối với nhóm II

+ Quyết định thành lập ban quản lý dự án (bản gốc);

+ Báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án theo mẫu số:01/QT.QLDA;

+ Bảng kê các chứng từ chi tiêu phát sinh trong quá trình thực hiện dự án;

+ Chủ đầu tư lập toàn bộ chi phí quản lý dự án cùng với quyết toán vốn đầu tư hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tổng thể chung của dự án hoàn thành.

** Đối với chi phí quản lý chủ đầu tư thuê tư vấn*

- Hợp đồng kinh tế;

- Biên bản nghiệm thu;

- Bảng đề nghị thanh toán có chữ ký của chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.

**Đối với một số chi phí khác như khởi công, nghiệm thu, khánh thành...*

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đề nghị quyết toán của chủ đầu tư;

**Đối với chi phí thuê chuyên gia, đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất*

- Hợp đồng kinh tế;

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bảng đề nghị thanh toán của chủ đầu tư;

**Đối với chi phí bảo hiểm công trình:*

- Hợp đồng bảo hiểm;
- Bảng đề nghị thanh toán của chủ đầu tư và các chứng từ khác có liên quan.

2.5. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập trình phê duyệt

Khi dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng. Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán (lập thành 5 bộ) gửi cơ quan Tài chính các cấp thẩm tra trình phê duyệt bao gồm:

- Tờ trình xin phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư kèm theo báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của ban quản lý dự án theo mẫu biểu đính kèm của quyết định này gồm:

- Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (Mẫu số 01- QTDA): phản ánh tình hình tiếp nhận, quản lý nguồn vốn đầu tư dự án theo từng loại nguồn vốn;

- Các văn bản pháp lý liên quan (Mẫu số 02-QTDA): phản ánh các văn bản liên quan đến chủ trương thực hiện đầu tư, chi phí đầu tư chủ đầu tư đề nghị quyết toán;

- Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư qua các năm (Mẫu số 03- QTDA): phản ánh tình hình giải ngân vốn đầu tư qua các năm làm cơ sở quy đổi vốn đầu tư quyết toán công trình;

- Báo cáo chi phí đầu tư đề nghị quyết toán theo dự án, công trình, hạng mục hoàn thành (Mẫu số 04 - QTDA): phản ánh chi phí đầu tư đã thực hiện đề nghị quyết toán của từng dự án, công trình, hạng mục công trình;

- Báo cáo tài sản cố định mới tăng (Mẫu số 05-QTDA): phản ánh toàn bộ tài sản hình thành qua đầu tư về số lượng, nguyên giá và quy đổi; chi tiết theo từng đơn vị tiếp nhận sử dụng tài sản;

- Báo cáo tài sản lưu động bàn giao (Mẫu số 06 - QTDA): phản ánh toàn bộ tài sản lưu động bàn giao cho sản xuất, sử dụng khi công trình (hạng mục công trình hoàn thành) về số lượng, đơn giá theo chi phí thực tế và theo quy đổi; chi tiết theo đơn vị tiếp nhận sử dụng tài sản;

- Tình hình thanh toán và công nợ của dự án (Mẫu số 07 - QTDA): phản ánh giá trị thực hiện, tình hình thanh toán và công nợ của dự án; chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị tham gia thực hiện dự án tính từ khi thực hiện hợp đồng đến thời điểm khoá sổ lập báo cáo quyết toán;

- Bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư có nhận xét, đánh giá, kiến nghị trong quá trình cấp, cho vay, thanh toán (Mẫu số 08 - QTDA). Trường hợp dự án do nhiều cơ quan thanh toán và cho vay thì phải lập riêng từng bảng đối chiếu xác nhận cho từng nguồn vốn đầu tư, cho từng cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư của dự án;

Sau khi cơ quan Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ của phần thực hiện dự án theo báo cáo của chủ đầu tư lập: (bao gồm hồ sơ quyết toán phần xây dựng, hồ sơ quyết toán phần thiết bị và lắp đặt, hồ sơ quyết toán chi phí tư vấn và chi phí khác). Cơ quan Tài chính các cấp tổ chức thẩm tra theo đúng thời gian quy định.

Cơ quan Tài chính tỉnh không thẩm định các dự án đầu tư bằng nguồn vốn trung ương do các cơ quan, đơn vị trung ương thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh; Trường hợp các Bộ, Ngành có yêu cầu chủ đầu tư phải thẩm định tại địa phương trước khi trình các Bộ, Ngành phê duyệt quyết toán; thì chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị gửi cơ quan chủ trì thẩm định.

Phần III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO KIỂM TRA

I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo mẫu số 02/THQT kèm theo, chậm nhất vào 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 15/01 năm sau đối với báo cáo năm;

- Phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án

hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm theo mẫu số 01/THQT kèm theo gửi Sở Tài chính chậm nhất vào 15 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 20/01 năm sau đối với báo cáo năm;

- Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc địa phương quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm theo mẫu số 01/THQT kèm theo gửi Bộ Tài chính chậm nhất vào 20/7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 30/01 năm sau đối với báo cáo năm;

II. THỜI GIAN LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN, THẨM TRA QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Thời gian quy định lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng và thẩm tra phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Dự án lập BCKTKTXD	DA có TMDT nhỏ hơn 1 tỷ đồng
Thời gian lập báo cáo QT	12 tháng	12 tháng	9 tháng	6 tháng	3 tháng	3 tháng
Thời gian TT phê duyệt QT	10 tháng	7 tháng	5 tháng	4 tháng	2 tháng	1 tháng

III. CHẾ ĐỘ KIỂM TRA:

Cơ quan Tài chính các cấp: định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý; kịp thời uốn nắn sai sót, xử lý vi phạm.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị, các đơn vị chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công có trách nhiệm hướng dẫn các chủ đầu tư, lập quyết toán vốn đầu tư và thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Tài chính Thái Nguyên để nghiên cứu, bổ sung./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Xuân Dương

SỞ TÀI CHÍNH THÁI NGUYÊN
BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PGNHS

Thái Nguyên, ngày tháng năm

PHIẾU GIAO NHẬN

Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành

Chủ đầu tư (BQLDA):.....

Tên dự án:.....

Công trình, hạng mục công trình:.....

Hồ sơ gồm:

Ngày nhận số sơ:

Ngày trả kết quả:

Người nộp hồ sơ:

Người nhận hồ sơ:

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH**

Tên dự án:

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

Cấp quyết định đầu tư:

Địa điểm xây dựng: Huyện Đồng Hỷ,

Qui mô công trình: Được duyệt: Thực hiện:

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Thời gian khởi công:: Hoàn thành:

I. Nguồn vốn:

Nội dung	Được duyệt	Thực hiện	Tăng, giảm
1	2	3	$4 = 3 - 2$
Tổng cộng			
- Vốn vay NSNN			
- Vốn vay			
+ Vay trong nước			
+ Vay nước ngoài			
- Vay khác			

II. Tổng hợp chi đầu tư đề nghị quyết toán:

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị QT	Tăng giảm so với dự toán
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				
1	Xây dựng				
2	Thiết bị				
3	Chi khác				
4	Dự phòng				

III. Chi phí đầu tư đề nghị duyệt bỏ không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

IV. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Số TT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)	
		Thực tế	Giá qui đổi
1	2	3	4
	Tổng số		
1	Tài sản cố định		
2	Tài sản lưu động		

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt:

+ Qui mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị:

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 02/QTDA

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu: ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Tổng giá trị được duyệt nếu có	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 03/QTDA

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Năm	Kế hoạch	Vốn đầu tư thực hiện				Vốn đầu tư qui đổi			
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
			Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		XD	TB	CP#	
		1	3	4	5	6	7	8	9	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 04/QTDA

**CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
THEO CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH**

Đơn vị tính: đồng

Tên công trình (Hạng mục công trình)	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán			
		Tổng số	Chia ra		
		Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác	
1	2	4	5	6	7

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 05/QTDA

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH MỚI TĂNG

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị		Tổng nguyên giá		Ngày đưa TSCĐ vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
				Thực tế	Qui đổi	Thực tế	Qui đổi			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 07/QTDA

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
(Tính đến ngày khóa sổ và lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị được A - B chấp nhận	Đã thanh toán tạm ứng	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo QT		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 07/QTDA

BẢNG ĐỐI CHIẾU
SỐ LIỆU CẤP VỐN CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn:.....

- Tên dự án:.....
- Chủ đầu tư:.....
- Tên cơ quan cho vay, thanh toán.....

I. Tình hình cấp vốn cho vay, thanh toán:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Gồm			Ghi chú
			XD	TB	Khác	
1	2	3	4	5	6	7
I	Số liệu của chủ đầu tư					
1	Lũy kế số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ KC					
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, TT hàng năm					
II	Số liệu của cơ quan cấp, cho vay, thanh toán					
1	Lũy kế số vốn đã cấp, cho vay thanh toán từ KC					
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm					

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:.....

.....

II Nhận xét đánh giá và kiến nghị:**1. Nhận xét:**

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng
- Chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:

2. Kết quả kiểm soát qua quá trình cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư thực hiện dự án:

3. Kiến nghị: Về nguồn vốn đầu tư và chi phí đầu tư đề nghị quyết toán thuộc phạm vi quản lý:

Ngày tháng năm 2008

Ngày tháng năm 200

Chủ đầu tư**Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán**

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
Ký, ghi rõ họ tên Ký, ghi rõ họ tên

Trưởng phòng Thủ trưởng đơn vị
Ký, ghi rõ họ tên Ký, ghi rõ họ tên

Mẫu số: 09/QTDA

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Của dự án:.....
 Tên công trình, hạng mục công trình:.....
 Chủ đầu tư:

Cấp quyết định đầu tư:.....
 Địa điểm xây dựng:.....
 Qui mô công trình:.....Được duyệt:.....Thực hiện:..
 Tổng mức đầu tư được duyệt:.....
 Thời gian khởi công:.....Hoàn thành:.....

I. Văn bản pháp lý:

Đơn vị tính: đồng

Tên văn bản	Ký hiệu văn bản, ngày...tháng...năm ban hành	Tên cơ quan duyệt	Tổng giá trị phê duyệt
1	2	3	4
- Chủ trương lập qui hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án			
- Văn bản phê duyệt đề cương (đối với dự án qui hoạch)			
- Quyết toán phê duyệt dự toán chi phí			
- Quyết định phê duyệt qui hoạch (đối với dự án qui hoạch)			
- Quyết định hủy bỏ dự án			

II. Thực hiện đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư	Được duyệt	Thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
- Vốn NSNN			

- Vốn vay			
- Vốn khác			

2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị QT	Tăng giảm so với dự toán
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				

3. Số lượng, giá trị TSCĐ mới tăng và TSLĐ hình thành qua đầu tư, tên đơn vị tiếp nhận quản lý và sử dụng tài sản (nếu có):.....

.....

III. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn:
- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt:

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.
- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị về giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án:

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01/QT.QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Năm.....

Tên BQL dự án:.....

1. Quyết toán nguồn:.....

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Chuyển năm sau
	Tổng cộng			
1	Nguồn được trích theo KH			
2	Nguồn năm trước chuyển sang			
3	Nguồn khác (nếu có)			

2. Chi phí đề nghị quyết toán

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Quyết toán
	Tổng cộng			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Chi tiền thưởng			
5	Chi phúc lợi tập thể			
6	Các khoản đóng góp			

7	Thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin tuyên truyền			
10	Chi hội nghị			
11	Chi công tác phí			
12	Chi thuê mướn			
13	Chi đoàn ra			
14	Chi đoàn vào			
15	Chi sửa chữa tài sản			
16	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý			
17	Chi phí khác			

3. Dự kiến phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên dự án	Giá trị khối lượng hoàn thành năm KH (Tr. Đồng)	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
1					
2					
3					
4					

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02/QT.QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Năm.....

Tên BQL dự án:.....

Tên dự án:.....

1. Tổng hợp quyết toán nguồn:.....

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Đề nghị quyết toán
	Tổng cộng			
1	Nguồn được trích theo dự án			
2	Nguồn khác			

2. Chi phí quản lý dự án thực hiện qua các năm

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Năm thực hiện	Giá trị quyết toán được phân bổ	Theo quyết định	
			Số	Ngày tháng năm
	Tổng cộng			
1	Năm 200			
2	Năm 200			
3				

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03/QT.QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Năm.....

Tên BQL dự án:.....

Tên dự án:.....

1. Quyết toán nguồn:.....

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
	Tổng cộng		
1	Tổng chi phí QLDA G_{QLDA}		
2	Tổng chi phí tư vấn do BQLDA tự làm G_{TV}		
3	Tổng chi phí QLDA thuê tư vấn G_{TTV}		
4	Tổng chi phí được sử dụng $G_{QLDA(CDT)}$ - Phần chủ đầu tư thực hiện: - Phần BQLDA thực hiện:		

2. Đề nghị quyết toán phần chủ đầu tư (hoặc BQL dự án) thực hiện:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Quyết toán
	Tổng cộng			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			

4	Chi tiền thưởng			
5	Chi phúc lợi tập thể			
6	Các khoản đóng góp			
7	Thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin tuyên truyền			
10	Chi hội nghị			
11	Chi công tác phí			
12	Chi thuê mướn			
13	Chi đoàn ra			
14	Chi đoàn vào			
15	Chi sửa chữa tài sản			
16	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý			
17	Chi phí khác			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)